

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ TÂN LẬP**

Số: 01/QĐ-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Tân Lập, ngày 04 tháng 01 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH  
Phân bổ dự toán chi Ngân sách năm 2024.**

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TÂN LẬP.**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 1109/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2023 của UBND huyện Kon Rẫy V/v giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội, dự toán Ngân sách Nhà nước và kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 09/NĐ - HĐND, ngày 26 tháng 12 năm 2023 của HĐND xã Tân Lập "V/v phê chuẩn dự toán Ngân sách và phương án phân bổ ngân sách năm 2024";

Theo đề nghị của Ban tài chính xã,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2024, có tổng kinh phí phân bổ: 5.382.334.000. đồng (Năm tỷ ba trăm tám mươi hai triệu ba trăm ba mươi bốn ngàn đồng).

(Có bảng phục lục cụ thể kèm theo)

**Điều 2.** Căn cứ dự toán chi ngân sách được phân bổ Ban tài chính xã tổ chức thực hiện theo đúng quy định của luật NSNN.

**Điều 3.** Các ông (bà) Văn phòng – Thống kê xã, Ban tài chính xã và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như điều 4;
- HĐND xã (báo cáo);
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND xã;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Đặng Tuấn Tịnh**

**BẢNG KẾ PHẢN BỔ KINH PHÍ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024**  
(Kèm theo Quyết định số 01/QĐ--UBND, ngày 04 tháng 01 năm 2024)



STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú (Mã nguồn NS)
1	Kinh phí thực hiện tự chủ	3.955.661.000	.13
2	Kinh phí không thực hiện tự chủ	1.274.835.000	12
3	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	150.000.000	
4	Dự phòng	107.226.000	
5	Tiết kiệm chi 10% chi thường xuyên	105.388.000	
<b>Tổng cộng: (1)+(2)+(3)+(4)-(5)</b>		<b>5.382.334.000</b>	

(Bảng chữ: Năm tỷ ba trăm tám mươi hai triệu ba trăm ba mươi bốn ngàn đồng).

**DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024**

**ĐƠN VỊ : UBND XÃ TÂN LẬP**

*(Kèm theo Quyết định số: 01/QĐ-UBND, ngày 04 tháng 01 năm 2024 của UBND xã Tân Lập)*

*ĐVT: Đồng*

TT	NỘI DUNG THU	TỔNG DỰ TOÁN THU	PHẦN NSX ĐƯỢC HƯỞNG
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>8.817.334.000</b>	<b>5.382.334.000</b>
<b>I</b>	<b>Các khoản thu 100%</b>	<b>3.515.000.000</b>	<b>80.000.000</b>
1	Thu phí, Lệ phí	132.000.000	25.000.000
-	Lệ phí môn bài	25.000.000	25.000.000
-	Phí lệ phí xã thu		
	Phí khác		-
2	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	15.000.000	15.000.000
3	Thuế thu nhập cá nhân	1.100.000.000	-
4	Thu khác ngân sách	400.000.000	-
5	Thu từ XNQD	425.000.000	-
6	Thu từ khu vực NQD	365.000.000	-
7	Lệ phí trước bạ (Nhà đất+Tài sản khác)	870.000.000	20.000.000
8	Thu tiền sử dụng đất	200.000.000	20.000.000
9	Thu tiền cho thuê đất	8.000.000	-
10	Cấp quyền khai thác khoáng sản		-
<b>II</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>5.302.334.000</b>	<b>5.302.334.000</b>
-	<i>Bổ sung cân đối</i>	<i>5.124.404.000</i>	<i>5.124.404.000</i>
-	<i>Bổ sung có mục tiêu</i>	<i>177.930.000</i>	<i>177.930.000</i>

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024**

**ĐƠN VỊ : UBND XÃ TÂN LẬP**

(Kèm theo Quyết định số: 01/QĐ-UBND, ngày 04 tháng 01 năm 2024 của UBND xã Tân Lập)

ĐVT: Đồng

TT	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
<b>A</b>	<b>DỰ TOÁN ĐƯỢC GIAO SỬ DỤNG</b>	<b>5.382.334.000</b>
*	<b>Trong đó: (Tiết kiệm chi 10% là 105.388.000 đồng)</b>	
<b>A</b>	<b>Nguồn kinh phí giao theo kế hoạch</b>	<b>5.487.722.000</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển:</b>	<b>20.000.000</b>
-	Chi tiền sử dụng đất	20.000.000
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>5.210.496.000</b>
<b>1</b>	<b>Sự nghiệp đảm bảo xã hội</b>	<b>45.000.000</b>
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục</b>	<b>44.000.000</b>
-	Hỗ trợ hoạt động trung tâm học tập cộng đồng	44.000.000
<b>3</b>	<b>Chi công tác dân quân tự vệ - an ninh trật tự</b>	<b>25.000.000</b>
-	Chi dân quân tự vệ	10.000.000
-	Chi an ninh trật tự	15.000.000
<b>4</b>	<b>Chi quản lý nhà nước Đảng, Đoàn thể</b>	<b>5.096.496.000</b>
-	Kinh phí "Cuộc vận động toàn dân đoàn kết khu dân cư"	52.000.000
+	Kinh phí khu dân cư	32.000.000
+	Kinh phí cuộc vận động toàn dân đoàn kết xã vùng khó khăn	20.000.000
-	Tổng kinh phí thực hiện pháp lệnh DQTV	220.819.000
+	Trợ cấp lực lượng dân quân theo ngành đặt thù thực hiện theo ND 72/20	81.533.000
+	Kinh phí huấn luyện và công tác tuyển quân	82.530.000
+	Kinh phí trực thường xuyên	31.756.000
+	Chi công tác giáo dục quốc phòng và an ninh	25.000.000
-	Kinh phí thực hiện theo QĐ -99/QĐ/TW	110.653.000
-	Phụ cấp đảng ủy viên cấp cơ sở (Đảng ủy viên cấp xã 14 Đ/c)	97.200.000
-	Chi biên soạn lịch sử Đảng bộ xã	100.000.000
-	Kinh phí hoạt động của Thanh tra nhân dân	5.000.000

TT	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
-	Kinh phí hoạt động của Ban giám sát cộng đồng	5.000.000
-	Kinh phí hoạt động giám sát phản biện xã hội	2.000.000
-	Kinh phí hoạt động của 02 Ban HĐND xã	5.000.000
-	Hoạt động phí Đại biểu HĐND và Bảo hiểm y tế cho 19 vị đại biểu Hội đồng	128.282.000
+	<i>Hoạt động phí Đại biểu HĐND cho 19 vị đại biểu Hội đồng</i>	123.120.000
+	<i>Hoạt động phí Đại biểu HĐND và Bảo hiểm y tế cho 5 vị ĐBBHĐ</i>	5.162.000
-	Hoạt động của HĐND thực hiện theo NQ 81/2021/NQ-HĐND	110.000.000
-	Chi may trang phục cho đại biểu HĐND	29.250.000
-	Tiếp công dân theo NQ 14, 16/2017/NQ-HĐND	20.000.000
-	Tiếp xúc cử tri (trong đó tiếp xúc cử tri của đoàn HĐND tỉnh 2 tr đồng)	6.000.000
-	Kinh phí cho tổ hòa giải cấp cơ sở theo QĐ số: 70/QĐ-UBND tỉnh	12.200.000
+	<i>Chi hoạt động quản lý nhà nước về hoà giải ở cơ sở và thu lao hoà giải viên</i>	5.000.000
+	<i>Hỗ trợ chi hoạt động ở tổ hoà giải cơ sở (khoản văn phòng phẩm, ...)</i>	7.200.000
-	Kinh phí chi hỗ trợ tiền ăn đào tạo, bồi dưỡng cán bộ KCT theo TT36/TT-BT	7.500.000
-	Kinh phí hỗ trợ thôn làng đón tết Nguyên Đán cho 9 thôn	18.000.000
-	Chi hoạt động cho các chi hội tổ chức chính trị xã hội	1.500.000
-	Chi tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật	9.000.000
-	Chi khen thưởng (Chi khác ngân sách)	27.000.000
-	Bổ sung có mục tiêu (Hỗ trợ đội trưởng, đội phó đội dân phòng)	81.900.000
-	Chi tiền lương và phụ cấp cho cán bộ xã, thôn	3.593.192.000
+	<i>Chi tiền lương cán bộ chuyên trách, công chức và các trợ cấp khác</i>	2.385.223.000
+	<i>Chi phụ cấp cán bộ không chuyên trách ( Bao gồm chi hỗ trợ kinh phí hoạt động cho thôn là 150 triệu đồng/6 thôn, hoạt động 5 ngành đoàn thể ở thôn 1,5 triệu)</i>	1.207.969.000
-	Chi hoạt động bộ máy khô (Định mức chi thường xuyên+ bổ sung có mục tiêu)	455.000.000
+	<i>Chi hỗ trợ đại hội UBMTTQVN</i>	30.000.000
+	<i>Chi hỗ trợ hoạt động của Hội NCT, Hội chữ thập đỏ, Hội liên hiệp TN</i>	15.000.000



<b>TT</b>	<b>NỘI DUNG CHI</b>	<b>DỰ TOÁN</b>
+	<i>Chi hỗ trợ công tác Cuộc vận động "Nét nghĩ, cách làm".</i>	<i>10.000.000</i>
+	<i>Chi hoạt động hè</i>	<i>6.000.000</i>
+	<i>Chi họp đồng (Tập vụ)</i>	<i>24.000.000</i>
+	<i>Chi hoạt động cho 05 ngành đoàn thể xã</i>	<i>75.000.000</i>
+	<i>Chi hoạt động khối UBND xã</i>	<i>216.000.000</i>
+	<i>Chi mua sắm, sửa chữa tài sản (Trang mạng thông tin điện tử, Misa, ...)</i>	<i>55.000.000</i>
+	<i>Chi hỗ trợ cho Hội liên hiệp Thanh niên đại hội</i>	<i>7.000.000</i>
+	<i>Chi công tác văn hóa, thông tin truyền thông và du lịch,...</i>	<i>15.000.000</i>
+	<i>Chi hỗ trợ cho Ban chỉ huy quân sự xã phòng chống cháy nổ tù súng</i>	<i>2.000.000</i>
<b>III</b>	<b>Nguồn thực hiện chính sách tiền lương chưa phân bổ</b>	<b>150.000.000</b>
<b>IV</b>	<b><u>Dư phòng</u></b>	<b>107.226.000</b>



Tỉnh: Kon Tum.  
Huyện: Kon Rẫy  
Xã: Đăk Kôi



Mẫu biểu số 06

(Ban hành kèm theo thông tư số 334/2016/TT-BTC, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)

### PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 01/QĐ-UBND, ngày 04 tháng 01 năm 2024 của UBND xã Tân Lập)

ĐVT: Đồng

Chương	Loại	Khoản	Mã nguồn	Diễn giải	Dự toán
802	340	341	12	Chi thường xuyên Khối HĐND	244.939.817
802	340	341	12	Chi đầu tư (Chi tiền sử dụng đất)	20.000.000
805	340	341	12	Chi thường xuyên Khối UBND	124.820.000
805	070	075	12	Chi thường xuyên Khối Trung tâm học tập cộng đồng	39.600.000
825	370	398	12	Chi thường xuyên Khối Hội người cao tuổi.	31.500.000
809	040	041	12	Chi thường xuyên Khối Công an	13.500.000
810	010	011	12	Chi thường xuyên Khối Quân sự	215.890.400
819	340	351	12	Chi thường xuyên Khối Đảng	274.373.600
820	340	361	12	Chi thường xuyên Khối UBMT	30.800.000
860	400	428	12	Chi thường xuyên Khối Quan hệ khác ngân sách	163.130.000
<b>I. Cộng (nguồn 12)</b>					<b>1.158.553.817</b>
802	340	341	14	Chi thường xuyên Khối HĐND	22.093.183

802	340	341	14	Chi thường xuyên Khối UBND	13.610.000
819	340	<b>351</b>	14	Chi thường xuyên Khối Đảng	16.740.000
<b>II. Cộng (nguồn 14 (không tự chủ))</b>					<b>52.443.183</b>
802	340	341	13	Chi thường xuyên Khối HĐND	135.409.544
805	340	341	13	Chi thường xuyên Khối UBND	1.592.307.312
810	010	011	13	Chi thường xuyên Khối Quân sự	170.519.000
811	340	361	13	Chi thường xuyên Khối Đoàn Thanh niên	136.811.000
812	340	361	13	Chi thường xuyên Khối Hội Phụ nữ	151.701.400
813	340	361	13	Chi thường xuyên Khối Hội Nông dân	126.047.000
814	340	361	13	Chi thường xuyên Khối Hội Cựu chiến binh	126.046.000
819	340	<b>351</b>	13	Chi thường xuyên Khối Đảng	478.336.600
820	340	361	13	Chi thường xuyên Khối UBMT	284.889.600
860	400	428	13	Chi thường xuyên Khối Quan hệ khác ngân sách	171.150.000
<b>III. Cộng (nguồn 13)</b>					<b>3.373.217.456</b>
802	340	341	14	Chi thường xuyên Khối HĐND	28.172.456
805	340	341	14	Chi thường xuyên Khối UBND	225.711.688
810	010	011	14	Chi thường xuyên Khối Quân sự	35.061.000
811	340	361	14	Chi thường xuyên Khối Đoàn Thanh niên	25.468.000





812	340	361	14	Chi thường xuyên Khối Hội Phụ nữ	28.345.600
813	340	361	14	Chi thường xuyên Khối Hội Nông dân	24.352.000
814	340	361	14	Chi thường xuyên Khối Hội Cựu chiến binh	24.353.000
819	340	<b>351</b>	14	Chi thường xuyên Khối Đảng	97.647.400
820	340	361	14	Chi thường xuyên Khối UBMT	51.782.400
<b>IV. Cộng (nguồn 14 (nguồn tự chủ))</b>					<b>540.893.544</b>
<b>Tổng cộng: (I)+(II)+(III)+(IV)</b>					<b>5.125.108.000</b>

ng dự toán chi ngân sách xã (bằng số) Năm tỷ một trăm hai mươi lăm triệu một trăm lẻ tám ngàn đồng  
 Tổng dự toán chi ngân sách xã (bằng chữ): Bốn tỷ tám trăm hai mươi chín triệu bốn trăm tám mươi bốn ngàn đồng.

Bộ phận tài chính, kế toán xã



**Nguyễn Văn Quân**

Tân Lập, ngày 04 tháng 01 năm 2024

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ**

(Ký tên, đóng dấu)



**Đặng Tuấn Tinh**

Ghi chú: Nguồn kinh phí thực hiện chính sách tiền lương 150,0 triệu đồng và nguồn kinh phí dự phòng 107,226 triệu đồng. Tổng cộng hai nguồn 257,226 triệu đồng chưa phân bổ đầu năm 2024.